

Bài 10 KHỦNG LONG (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Đọc đúng các từ khó, đọc rõ ràng VB *Khủng long* với ngữ điệu phù hợp; biết nghỉ hơi sau mỗi đoạn.
 - Hiểu và chỉ ra được đặc điểm của các bộ phận của khủng long; thức ăn, nơi sống của khủng long. Hiểu được khủng long là một loài động vật đã tuyệt chủng nên chúng ta không thể gặp khủng long thật.
- Nghe – viết đúng chính tả một đoạn trong bài *Khủng long*; trình bày đúng đoạn văn, biết viết hoa chữ cái đầu các câu; làm đúng các BT chính tả phân biệt *uya/ uyu, iêu/ ươu* hoặc *uôc/ uôt*.
- Phát triển vốn từ về muông thú; kĩ năng sử dụng *dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than*.
 - Viết đoạn ngắn giới thiệu tranh ảnh về một con vật.
- Tìm đọc được sách, báo về một loài động vật hoang dã và chia sẻ một số thông tin về loài động vật đó.
- Bồi dưỡng tình yêu đối với các loài động vật.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm của VB thông tin; nắm được nội dung VB *Khủng long* cùng các thông tin về đặc điểm các bộ phận, nơi sống, thức ăn của khủng long.

2. Phương tiện dạy học

- Tranh ảnh về khủng long.
- Phiếu học tập: có thể làm phiếu BT chính tả hoặc phiếu BT phần *Luyện từ và câu*.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

HS đố – đáp về các loài chim trong VB *Về chim*.

VD: – Chim gì vừa đi vừa nhảy?

- Chim sáo.

ĐỌC

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm, từng HS trả lời các câu hỏi: *Em đã nhìn thấy loài vật này ở đâu? Em biết gì về chúng?* Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV khuyến khích HS nói những thông tin về loài vật gắn với những trải nghiệm của bản thân (VD: Tuần trước, bố mua tặng em một quyển sách về khùng long. Đọc sách em mới biết khùng long là con vật có thật,...).
- GV nhận xét chung và dẫn sang phần *Đọc*.

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp: GV đọc mẫu toàn VB, ngắt nghỉ hơi đúng, dừng hơi lâu hơn sau mỗi đoạn, HS đọc thầm theo. GV nêu một số từ ngữ có thể khó phát âm để HS luyện đọc như *săn mồi, quất đuôi, dững mãnh, tuyết chùng...*
- + GV kết hợp hướng dẫn HS ngắt, nghỉ ở những câu dài (VD: *Khùng long/ có khả năng săn mồi tốt/ nhờ có đôi mắt tinh tường/ cùng cái mũi và đôi tai thính.;...*).
- + GV mời 4 HS đọc nối tiếp bài đọc. (HS1 đọc từ đầu đến *vùng đất khô*; HS2 đọc đoạn tiếp theo đến *ăn cỏ*; HS3 đọc đoạn tiếp theo đến *dững mãnh*; HS4 đọc phần còn lại) để HS biết cách luyện đọc nối tiếp trong nhóm.
- + GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ*.
- Luyện đọc theo cặp/ nhóm đọc nối tiếp bài đọc trong nhóm 4 (như 4 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau. GV hỗ trợ những HS gặp khó khăn trong nhóm, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- HS và GV đọc toàn VB *Khùng long*. 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB *Khùng long*. HS đọc đồng thanh toàn VB *Khùng long*. GV đọc lại toàn VB *Khùng long* và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Bài đọc cho biết những thông tin nào về khùng long?*

- GV mời một HS đọc yêu cầu BT và các ý trắc nghiệm bên dưới. GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp/ nhóm.
- + Từng HS cho biết thông tin về khùng long có trong bài đọc dựa trên các ý trắc nghiệm đã cho trong SHS. GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- + Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.
- GV và HS thống nhất câu trả lời (Bài đọc cho biết thông tin về khùng long ở các mục a, b, c).

Câu 2. *Những bộ phận nào giúp khùng long săn mồi tốt?*

- GV mời một HS đọc yêu cầu của BT. GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp/ nhóm.

+ Từng HS kể tên những bộ phận giúp khủng long săn mồi tốt. GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

+ Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời (Khủng long có khả năng săn mồi tốt nhờ đôi mắt tinh tường cùng cái mũi và đôi tai thính.)

Câu 3. Nhờ đâu khủng long có khả năng tự vệ tốt?

– GV cho HS trả lời câu 3 như cách thức tổ chức ở câu 2.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Khủng long có khả năng tự vệ tốt nhờ cái đầu cứng và cái quắt đuôi dững mãnh.)

Câu 4. Vì sao chúng ta không thể gặp khủng long thật?

– GV mời một HS đọc yêu cầu của bài. GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

+ Từng HS nói lí do không thể gặp khủng long thật. GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

+ Các nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. (Chúng ta không thể gặp khủng long thật vì khủng long đã bị tuyệt chủng trước khi con người xuất hiện.)

4. Luyện đọc lại

– GV/ một HS đọc lại toàn VB.

– Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. Tìm trong bài từ ngữ dùng để tả các bộ phận của khủng long.

– GV mời một HS đọc yêu cầu của bài. GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm có sử dụng phiếu BT.

+ Từng HS viết kết quả BT trên phiếu BT. Sau đó cả nhóm sẽ thống nhất kết quả chung. GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

+ Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.

– GV và HS thống nhất câu trả lời (Từ ngữ trong bài dùng để tả các bộ phận của khủng long là: (chân) *thẳng và rất khỏe*; (đôi mắt) *tinh tường*; (cái mũi và đôi tai) *thính*; (đầu) *cứng*).

Câu 2. Hỏi – đáp về đặc điểm các bộ phận của khủng long.

– Cả lớp: GV mời một HS đọc yêu cầu của bài. GV mời 2 HS hỏi – đáp theo mẫu (một bạn hỏi, một bạn đáp). VD: Đầu khủng long thế nào? Đầu khủng long rất cứng.

+ GV và HS nhận xét.

+ GV lưu ý HS là hỏi – đáp về đặc điểm bộ phận của khủng long nên trong câu hỏi phải có từ chỉ bộ phận cơ thể và từ *thế nào*, câu trả lời phải có từ chỉ bộ phận cơ thể và từ chỉ đặc điểm. GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

- Cặp/ nhóm: Từng cặp hỏi – đáp về các bộ phận của khủng long theo mẫu. Tùy thuộc vào thời gian mà HS có thể hỏi – đáp về các bộ phận của khủng long được nói tới trong bài đọc.
- GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.
- Một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

- GV đọc thành tiếng cả đoạn (từ *Chân khủng long* đến *đôi tai thính*); 2 – 3 HS đọc lại.
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết: viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm; chữ dễ viết sai chính tả: *khoẻ, rộng, kiểm, săn, tường*.
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả.
- + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Chân khủng long/ thẳng và rất khoẻ.// Vì thế/ chúng có thể/ đi khắp một vùng rộng lớn/ để kiếm ăn.// Khủng long/ có khả năng săn mồi tốt/ nhờ có đôi mắt tinh tường/ cùng cái mũi và đôi tai thính.//*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc chính xác, rõ ràng, chậm rãi phù hợp với tốc độ viết của HS.
- + Sau khi đọc chính tả, GV đọc lại một lần cả đoạn và yêu cầu HS soát lỗi.
- + HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.
- + GV kiểm tra bài viết của HS và chữa nhanh một số bài. GV nhận xét.

2. Chọn *uya* hoặc *uyu* thay cho ô vuông.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo. HS làm việc nhóm, chọn đúng *uya* hoặc *uyu* thay cho ô vuông. Một số nhóm trình bày kết quả.
- GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án (a. Đường lên núi quanh co, khúc **khuy**u.; b. Mẹ tôi thức **khuy**a dậy sớm làm mọi việc.).

3. Chọn a hoặc b.

Đây là bài chính tả tự chọn. BTa là BT phương ngữ Bắc, BTb là BT phương ngữ Nam. GV chọn BT phù hợp với vùng miền.

a. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *iêu* hoặc *ươu* để gọi tên loài vật.

- Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo. HS làm việc nhóm, quan sát tranh, tìm từ ngữ gọi tên con vật chứa *iêu* hoặc *ươu*. Một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

- GV và HS thống nhất đáp án: (1. *diều hâu*; 2. *đà điểu*; 3. *hươu sao*).

b. Nhìn hình, tìm từ ngữ chứa *uộc* hoặc *uôt* để gọi tên loài vật.

- GV tổ chức cho HS thực hiện BTb như cách thức tổ chức BTa. GV và HS thống nhất đáp án (1. *chuo*t; 2. *bach tuo*c; 3. *chim cuo*c).

- HS tự chữa bài của mình (nếu sai).

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Nói tên các con vật ẩn trong tranh.

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát, phân tích tranh, tìm các con vật ẩn trong tranh.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án. (công, gà, kì nhông, chim gõ kiến, voi, khi). GV chiếu đáp án lên màn hình hoặc dán tranh các con vật theo nhóm lên bảng.

Lưu ý: BT này GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi.

2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật sống trong rừng. Đặt một câu với từ ngữ vừa tìm được.

- GV nêu yêu cầu của BT. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật sống trong rừng.
- GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án (công: múa, xoè cánh,...; chim gõ kiến: bay, đục thân cây,...; gà: gáy, chạy,...; kì nhông: bò,..., voi: hươ vùi,...).

Lưu ý: Với BT này GV cũng có thể tổ chức dưới dạng trò chơi, chia lớp thành 2 đội chơi, chơi trò hô – đáp, đội 1 hô to tên con vật, đội còn lại nói tên hoạt động của con vật, sau đó đổi ngược lại.

- GV hướng dẫn HS đặt câu với từ ngữ tìm được.
- + GV đọc câu mẫu, phân tích câu mẫu: *Khi đang leo cây.* GV phân tích trong câu mẫu có sử dụng từ chỉ hoạt động của khi là từ “leo”.
- + HS làm việc cá nhân, đặt câu với từ ngữ chỉ hoạt động của các con vật. HS tùy vào khả năng của mình có thể đặt một câu hoặc nhiều câu.
- GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét.

3. Chọn dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than thay cho ô vuông.

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu. GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm để tìm dấu thanh phù hợp.
- Đại diện (2 – 3) nhóm lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của câu được ghi trên bảng). GV chốt đáp án đúng đã được ghi trong bảng phụ: (a. *Con gì có cái vòi rất dài?; Con mèo đang trèo cây cau.; Con gì phi nhanh như gió?; Ôi, con công múa đẹp quá!*).
- GV có thể hỏi thêm HS về công dụng của các dấu câu.

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Nói tên con vật trong mỗi bức ảnh.

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, quan sát, phân tích bức ảnh, nói tên con vật trong mỗi bức ảnh.

- Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất đáp án (hươu, sóc, công).
- GV chiếu đáp án lên màn hình hoặc yêu cầu HS viết kết quả ra phiếu BT.

2. Viết 3 – 5 câu giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật em yêu thích.

- HS đọc yêu cầu của BT.
- GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm, nói 3 – 5 câu giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật dựa vào gợi ý trong SHS.
- Dựa trên kết quả nói, HS viết thành đoạn văn vào vở. GV lưu ý HS: Trật tự sắp xếp của các câu trong đoạn cũng nên theo thứ tự các câu hỏi.
- Một số HS đọc bài trước lớp. GV và HS nhận xét.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc sách, báo viết về động vật hoang dã (hổ, báo, sư tử,...).

Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc sách, báo viết về động vật hoang dã. Có thể đó là các câu chuyện, bài thơ như: *Sự tích con sư tử* (truyện cổ tích), *Sự tích con hổ* (truyện cổ tích), *Bác gấu đen và hai chú thỏ* (Hoàng Hà),... GV có thể chuẩn bị một số VB phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.

2. Giới thiệu với các bạn một số thông tin về loài động vật đó.

- HS đọc yêu cầu của BT.
- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 hoặc nhóm 3, nhóm 4 để thực hiện yêu cầu của BT. Các em đọc VB cho bạn nghe và chia sẻ với các bạn về tên của loài động vật, những đặc điểm chính của loài động vật đó như thức ăn, nơi sống.
- Một số (2 – 3) HS đọc VB và chia sẻ một số thông tin chính trong VB và cảm nghĩ của bản thân về loài động vật đó. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.
- GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc VB hấp dẫn hoặc cách chia sẻ ý tưởng thú vị. Nói rõ ưu điểm để HS cùng học hỏi.

CỦNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
- + Đọc hiểu VB *Khủng long*.
- + Viết chính tả một đoạn ngắn theo hình thức nghe – viết và hoàn thành BT chính tả âm vần *uya/ uyu, iêu/ ươu, uôc/ uôt*.
- + Phát triển vốn từ về loài vật; kỹ năng sử dụng *dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than*.
- + Viết đoạn ngắn giới thiệu tranh (ảnh) về một con vật.
- + Đọc mở rộng sách, báo viết về động vật hoang dã.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.